

Số: 42 /2018/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 08 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý tài sản công
tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của
địa phương trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định về phân cấp quản lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1280/TTr-STC ngày 31 tháng 5 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về phân cấp quản lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế”.

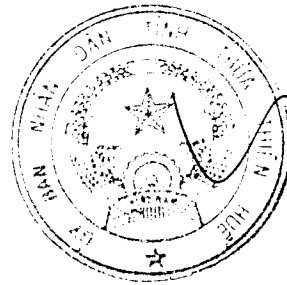
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 8 năm 2018 và thay thế Quyết định số 54/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TV Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT và các Phó CT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- VP: CVP, các PCVP và CV: TC, ĐC;
- Lưu VT, CS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Ngọc Thọ

QUY ĐỊNH

Về phân cấp quản lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị
thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế
(Ban hành kèm theo Quyết định số 42 /2018/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định việc phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.
2. Thẩm quyền quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Tài sản công không thuộc phạm vi điều chỉnh Quyết định này bao gồm:
Tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; tài sản sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh quốc gia (trừ việc đầu tư, mua sắm tài sản phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội do ngân sách địa phương đảm bảo); tài sản dự trữ quốc gia; tài sản công tại doanh nghiệp; tài nguyên thiên nhiên, đất đai (trừ đất gắn liền với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) và tài sản khác được quản lý, thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị).
2. Đơn vị vũ trang nhân dân đóng trên địa bàn tỉnh được đầu tư, mua sắm tài sản phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội do ngân sách địa phương đảm bảo. Các lĩnh vực quản lý sử dụng tài sản còn lại (điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy, cho thuê tài sản ...) thực hiện theo quy định của Chính phủ.
3. Cơ quan hành chính của Đảng là Văn phòng Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy (gọi chung là Văn phòng Huyện ủy) trong việc quản lý, sử dụng tài sản được Nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư mua sắm từ ngân sách Nhà

nước. Riêng cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy thực hiện theo quy định tại Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

4. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Những quy định chung khác

Trình tự, thủ tục, phương thức tổ chức thực hiện việc đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất bị hủy hoại; phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án; sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công – tư; ban hành tiêu chuẩn định mức tài sản chuyên dùng; giao, khoán kinh phí sử dụng tài sản công; chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công; sửa chữa, bảo dưỡng tài sản công; sử dụng tài sản công dùng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết tại đơn vị sự nghiệp công lập; hồ sơ quản lý tài sản; quy chế quản lý sử dụng tài sản; chế độ báo cáo; việc hạch toán các khoản thu, chi liên quan đến việc dùng chung tài sản công; công khai việc quản lý, sử dụng tài sản công và các hoạt động khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn có liên quan và Quy định này.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Thẩm quyền quyết định việc đầu tư xây dựng mới trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp từ nguồn vốn ngân sách đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về phân cấp quản lý đầu tư xây dựng các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư

1. Sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao thực hiện theo quy định tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư. Riêng đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi lấy ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 6. Thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức tài sản chuyên dùng

1. Tiêu chuẩn định mức diện tích chuyên dùng thuộc trụ sở làm việc và diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp:

a) Đối với diện tích chuyên dùng thuộc trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức:

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Đối với diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp được xác định là diện tích chuyên dùng của đơn vị sự nghiệp công lập:

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chuẩn định mức sử dụng công trình sự nghiệp tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư) sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành tiêu chuẩn định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư) sau khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Giám đốc Sở Y tế ban hành tiêu chuẩn định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư) sau khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp tại đơn vị.

c) Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp phải được công khai trên Cổng thông tin điện tử Ủy ban nhân dân tỉnh và Trang thông tin điện tử của các đơn vị liên quan (nếu có).

2. Tiêu chuẩn định mức xe ô tô chuyên dùng:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chuẩn định mức xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Tiêu chuẩn định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức máy móc thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành định mức máy móc thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo cho các cơ quan đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư) sau khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Giám đốc Sở Y tế ban hành định mức máy móc thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế cho các cơ quan đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư) sau khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

d) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư ban hành tiêu chuẩn định mức máy móc thiết bị chuyên dùng tại đơn vị.

đ) Quyết định ban hành tiêu chuẩn định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng phải được công khai trên Cổng thông tin điện tử Ủy ban nhân dân tỉnh và Trang thông tin điện tử của các đơn vị liên quan (nếu có).

Điều 7. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

Thực hiện theo quy định tại Chương II Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định phân cấp quản lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (gọi tắt là Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác

Thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khoán kinh phí sử dụng tài sản công đối với tài sản công là nhà ở công vụ và các tài sản khác (trừ máy móc,

thiết bị) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh. Riêng khoản kinh phí sử dụng xe ô tô thực hiện theo Nghị định của Chính Phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định khoản kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định sử dụng chung tài sản công

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý sử dụng tài sản công (gọi tắt là Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ).

Điều 11. Thẩm quyền quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và bảo dưỡng tài sản công

1. Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp:

a) Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán dưới 500 triệu đồng: Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ dự toán hàng năm được cấp có thẩm quyền giao quyết định các nội dung có liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo, bảo trì và nâng cấp tài sản (không làm thay đổi công năng, quy mô công trình).

b) Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có dự toán từ 500 triệu đồng trở lên: Thực hiện theo quy định về phân cấp và quản lý đầu tư xây dựng hiện hành.

2. Đối với tài sản không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý sử dụng tài sản căn cứ vào dự toán được cấp có thẩm quyền giao hàng năm, căn cứ các chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành để quyết định và chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định của mình.

Trường hợp tài sản công chưa có chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành, căn cứ vào hướng dẫn của nhà sản xuất và thực tế sử dụng tài sản, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa áp dụng đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

Thực hiện theo quy định tại Chương IV Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

Thực hiện theo quy định tại Chương V Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

Thực hiện theo quy định tại Chương VI Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 16. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

Thực hiện theo quy định tại Chương VII Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 17. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

Thực hiện theo quy định tại Chương VIII Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 18. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

Thực hiện theo quy định tại Chương IX Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 19. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án

Thực hiện theo quy định tại Chương X Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 20. Thẩm quyền quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê tại đơn vị sự nghiệp công lập, cụ thể:

- a) Cơ sở hoạt động sự nghiệp.
- b) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Hội đồng quản lý hoặc người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 21. Thẩm quyền quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết sau khi lấy ý kiến bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 22. Thẩm quyền phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết tại tổ chức chính trị xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội

Thực hiện theo quy định tại Chương IV Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

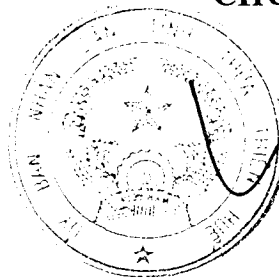
Điều 23. Trách nhiệm quản lý hướng dẫn, kiểm tra, giám sát

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý và phân cấp quản lý đối với tài sản công trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc chấp hành chế độ quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định này.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm chấp hành việc quản lý tài sản công theo đúng quy định của pháp luật có liên quan và theo phân cấp tại Quy định này. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, nghiên cứu, đề xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Ngọc Thọ